

Bản án số: 27/2024/DS-ST

Ngày 20-9-2024.

“*V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG, TỈNH ĐẮK NÔNG**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Phong;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lý Văn Hòe và bà Phạm Thị Hằng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong tham gia phiên tòa:*** Ông Lương Hồng Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 75/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXXST-DS, ngày 06 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn H – sinh năm 1971. Có mặt

Địa chỉ: Bon M, xã N, huyện P, tỉnh Đăk Nông.

- Bị đơn: Anh Vũ Văn T – sinh năm 1982 (Có mặt), chị Nguyễn Thị Xuân Th (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn M1, xã N1, huyện P, tỉnh Đăk Nông.

Chỗ ở: Thôn M, xã N, huyện P, tỉnh Đăk Nông.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Th. Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Bon M, xã N, huyện P, tỉnh Đăk Nông.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 17/6/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Văn H trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết với vợ chồng anh Vũ Văn T, chị Nguyễn Thị Xuân Th nên vào ngày 09/12/2023 anh T và chị Th có đến nhà tôi hỏi vay số tiền 475.000.000 đồng để làm ăn kinh doanh nên tôi đồng ý cho vay. Hai bên có lập 01 giấy vay tiền viết

tay thể hiện nội dung ngày 09/12/2023 anh Vũ Văn T, chị Nguyễn Thị Xuân Th có vay của ông Lê Văn H số tiền 475.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng. Để đảm bảo khoản vay anh T, chị Th có thể chấp cho tôi 01 xe cầu BKS 50H – 14630 và hẹn đến ngày 09/02/2024 anh T, chị Th sẽ trả tiền gốc và lãi. Sau khi viết giấy tôi đã đưa đủ số tiền 475.000.000 đồng cho anh T. Đến hạn trả nợ mặc dù tôi đã gọi điện đôn đốc nhắc nhở nhiều lần nhưng anh T, chị Th cố tình trốn tránh không trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tôi. Vì vậy tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Vũ Văn T và chị Nguyễn Thị Xuân Th phải trả cho tôi số tiền gốc 475.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến từ ngày 09/12/2023 đến ngày 09/6/2024 là 57.000.000 đồng.

*Bị đơn anh Vũ Văn T, chị Nguyễn Thị Xuân Th trình bày:* Vào ngày 09/12/2023 vợ chồng tôi có ký vào giấy mượn tiền với số tiền 475.000.000 đồng của ông Lê Văn H, theo nội dung giấy vay tiền vợ chồng tôi có thể chấp 01 xe mức BKS 50H-14630, hẹn đến ngày 09/02/2024 sẽ trả tiền. Thực tế vợ chồng tôi không vay số tiền trên của ông H mà số tiền này xuất phát từ việc trước đây tôi có vay của ông H 03 lần tiền để đáo hạn ngân hàng như sau: Ngày 06/12/2022 vay ông H 310.000.000 đồng; ngày 20/6/2023 tiếp tục vay 700.000.000 đồng cũng để đáo hạn 01 ngân hàng khác. Đến ngày 30/6/2022 tôi tiếp tục vay của ông H số tiền 380.000.000 đồng, cả 03 lần vay lãi suất thỏa thuận 2.000 đồng/01triệu/ngày. Trong 03 lần vay thì chỉ có lần vay 310.000.000 đồng thì có viết giấy tờ (do tôi có thể chấp 01 xe mức BKS 50H-14630); 02 lần vay còn lại không viết giấy tờ mà ông H chỉ chuyển khoản qua ngân hàng, trong nội dung chuyển khoản có ghi nội dung “Cho T mượn tiền”. Đến ngày 09/12/2023 do tôi còn nợ mấy tháng tiền lãi chưa trả được nên ông H nói vợ chồng tôi ký thêm giấy vay nợ số tiền 475.000.000 đồng để được giảm lãi còn 2%/tháng, do vợ chồng tôi không còn sự lựa chọn nên bắt buộc phải ký vào giấy nợ để được giảm lãi. Thực chất số nợ này là xuất phát từ số nợ 310.000.000 đồng vay ngày 06/12/2022 cộng thêm 06 tháng tiền lãi thành số tiền 475.000.000 đồng. Việc vợ chồng tôi ký vào giấy vay số tiền 475.000.000 đồng là bị ép buộc, nội dung trong giấy vay là do ông H đọc cho tôi ghi. Tôi không có chứng cứ gì chứng minh mình bị ép buộc. Khi vay số tiền 310.000.000 đồng thì tôi có ký nợ với ông H, khi viết lại giấy nợ 475.000.000 đồng thì tôi không lấy lại giấy nợ này, hiện nay giấy nợ 310.000.000 đồng do ông H giữ. Hiện nay ông Lê Văn H khởi kiện yêu cầu vợ chồng tôi trả số tiền 475.000.000 đồng và tiền lãi thì ý kiến tôi như sau: Tôi vẫn thừa nhận còn nợ ông H số tiền của 03 đợt vay tổng cộng 1.390.000.000 đồng (có thể chấp 01 mảnh đất). Nếu ông H thừa nhận số tiền 475.000.0000 đồng là số tiền nợ 310.000.000 đồng chuyển qua thì tôi chấp nhận trả. Nếu ông H cho rằng số tiền 475.000.0000 đồng là số tiền vay khác thì tôi không chấp nhận trả.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th trình bày:* Tôi là vợ hợp pháp của ông Lê Văn H. Việc chồng tôi cho anh T, chị Th vay tiền thì tôi có biết. Số tiền cho vay là tài sản chung của tôi và ông H. Tôi đồng ý với ý kiến và yêu cầu khởi kiện của ông H. Hiện nay do tôi bận nhiều công việc nên tôi xin Tòa án cho tôi được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, tại các buổi làm việc, đối chất, hòa giải, họp công khai chứng cứ cũng như tại các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm.

Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu HĐXX tính lãi 20%/năm.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiền hành tố tụng, nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Hoạt động xét xử tiến hành khách quan và đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện VKSND huyện Đắk Glong đề nghị HĐXX tuyên chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Vũ Văn T, chị Nguyễn Thị Xuân Th phải trả cho ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị Th số tiền 475.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ông Lê Văn H khởi kiện yêu cầu anh Vũ Văn T, chị Nguyễn Thị Xuân Th trả số tiền 475.000.000 đồng và tiền lãi nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Vũ Văn T, chị Nguyễn Thị Xuân Th có nơi cư trú tại Thôn 4, xã Đắk Som, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 09/12/2023 các bên ký kết giấy mượn tiền, hạn trả nợ ngày 09/02/2024, đến hạn trả nợ anh T, chị Th không trả nợ; ngày 17/6/2024 ông H nộp đơn khởi kiện ra Tòa án nên thời hiệu khởi kiện đảm bảo. Quá trình giải quyết vụ án không có đương sự nào đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H HĐXX xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án ông Lê Văn H cung cấp 01 giấy mượn tiền ngày 09/12/2023 thể hiện nội dung: ngày 09/12/2023 anh Vũ Văn T, chị Nguyễn Thị Xuân Th có vay của ông Lê Văn H số tiền 475.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng. Để đảm bảo khoản vay anh T, chị Th có thể chấp cho ông H 01 xe cẩu BKS 50H – 14630, hạn đến ngày 09/02/2024 anh T, chị Th sẽ trả tiền gốc và lãi. Trong giấy vay tiền thể hiện anh T đã nhận đủ số tiền 475.000.000 đồng. Đến hạn trả nợ anh T, chị Th không trả nên ông H khởi kiện ra Tòa án yêu cầu anh T, chị Th phải trả số nợ gốc và tiền lãi (20%/năm).

Quá trình giải quyết vụ án anh T, chị Th thừa nhận vào ngày 09/12/2023 vợ chồng anh có ký vào giấy mượn tiền với số tiền 475.000.000 đồng của ông Lê Văn H, có thể chấp 01 xe múc BKS 50H-14630, hạn đến ngày 09/02/2024 sẽ trả. Thực tế vợ chồng anh chị không vay số tiền trên mà số tiền này xuất phát từ việc trước đó vợ chồng anh có vay của ông H 03 lần tiền để đáo hạn ngân hàng. Đến ngày 09/12/2023 do còn nợ

mấy tháng tiền lãi chưa trả được nên ông H nói vợ chồng anh ký thêm giấy vay nợ số tiền 475.000.000 đồng để được giảm lãi còn 2%/năm, do vợ chồng anh không còn sự lựa chọn nên bắt buộc phải ký vào giấy nợ để được giảm lãi. Thực chất số nợ này là xuất phát từ số nợ 310.000.000 đồng vay ngày 06/12/2022 cộng thêm 06 tháng tiền lãi thành số tiền 475.000.000 đồng. Việc vợ chồng anh ký vào giấy vay số tiền 475.000.000 đồng là bị ép buộc. Tuy nhiên anh T, chị Th không đưa ra được chứng cứ chứng minh mình không vay số tiền 475.000.000 đồng của ông H và không chứng minh được số tiền trên xuất phát từ số nợ 310.000.000 đồng vay trước đó nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định tại khoản 4 Điều 91 BLTTDS.

[4] Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, HĐXX xét thấy việc vay mượn tiền giữa ông H với anh T, chị Th là có thật, việc vay mượn giữa các bên không có sự ép buộc, đáp ứng đủ điều kiện được quy định tại Điều 463 BLDS năm 2015. Do đó, hợp đồng vay tài sản giữa các bên là hợp pháp và phát sinh hiệu lực. Đến hạn trả nợ anh T, chị H không trả được nợ nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 BLDS năm 2015.

Điều 463 Bộ luật Dân sự (BLDS) quy định:

*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.*

Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định:

*1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.*

[3] Về tiền lãi: Trong giấy vay tiền ngày 09/12/2023 các bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng (24%/năm), mức lãi suất này vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS năm 2015 (không quá 20%/năm). Tuy nhiên tại phiên Tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi suất 20%/năm. Nên căn cứ mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS năm 2015 (20%/năm); khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm để tính tiền lãi, cụ thể như sau:

- Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả: (từ ngày 09/12/2023 đến ngày 09/02/2024) là:  $475.000.000đ \times 0,83\% \times 02 \text{ tháng} = 7.916.666 \text{ đồng. (1)}$

- Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả: (từ ngày 09/12/2023 đến ngày 09/02/2024) là  $7.916.666 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 02 \text{ tháng} = 131.416 \text{ đồng. (2)}$

- Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả: (Từ ngày 10/02/2024 đến ngày xét xử 20/9/2024) là:  $475.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 7 \text{ tháng} 10 \text{ ngày} = 57.823.333 \text{ đồng. (3)}$

**Tổng tiền lãi : (1) + (2) + (3) = 65.871.415 đồng (làm tròn số: 65.871.000 đồng)**

[5] HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn anh Vũ Văn T, chị Nguyễn Thị Xuân Th phải trả cho ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị Th số tiền nợ gốc 475.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 65.871.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn anh T, chị Th phải chịu 25.634.840 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông. Hoàn trả cho ông Lê Văn H 12.640.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008520 ngày 01/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Glong.

[7] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 ; khoản 1, 2, 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 143 ; Điều 147; Điều 266; Điều 273 ; điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 351; khoản 2 Điều 357; Điều 463 ; khoản 1, khoản 5 Điều 466; khoản 1, khoản 2 Điều 468 của BLDS năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H.

Buộc anh Vũ Văn T, chị Nguyễn Thị Xuân Th phải trả cho ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị Th số tiền nợ gốc 475.000.000 đồng, tiền lãi 65.871.000 đồng.

Tổng gốc và lãi: **540.871.000 đồng** (*Năm trăm bốn mươi triệu tám trăm bảy mươi mốt nghìn đồng*).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án một khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

**2.** Về án phí: Bị đơn anh Vũ Văn T, chị Nguyễn Thị Xuân Th phải chịu 25.634.840 đồng (*Hai mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi bốn nghìn tám trăm bốn mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông. Hoàn trả cho ông Lê Văn H 12.640.000 đồng (*mười hai triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008520 ngày 01/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Glong.

**3.** Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Người có quyền

lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THA huyện Đắk Glong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thanh Phong**